TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 752/2019/KDTM-PT

Ngày: 27/8/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**:** Bà **Biện Thị Hoa**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Công Toại**

Bà **Trương Thị Thảo**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai Hương** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2019/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng thi công hồ nuôi thủy hải sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/KDTM-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3352/2019/QĐXX-PT ngày 26 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dịch vụ T; Trụ sở: đường P, Phường U, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: đường P, Phường U, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H; Trụ sở: đường T, Phường P, V, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông VT, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: đường T, Phường P, V, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TPHCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 11 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông T trình bày:

Ngày 04/12/2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dịch vụ T (gọi tắt là Công ty T) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn H (gọi tắt là Công ty H) ký hợp đồng kinh tế số HĐ/297 về việc làm dây chuyền trưng bày, nuôi sống và cung cấp thủy hải sản ở nhà hàng H (gọi tắt là hợp đồng). Công ty T làm hồ hình lục giác (06 cạnh), đường kính 5.3m, chu vi là 15.9m, chia đều 06 cạnh, mỗi cạnh dài 2.65m. Được chia là 07 hệ thống nuôi thích ứng với từng loại mặt hàng. Mỗi hệ thống trưng bày và nuôi sống thủy hải sản có hệ thống cung cấp, hệ thống làm lạnh nước, hệ thống lọc đảo nước tuần hoàn. Mặt trước của hồ hơi vát ra 7-10 độ tạo nghệ thuật, thiết kế hoành tráng, chuyên môn kỹ thuật cao, nhằm bắt mắt khách ẩm thực tại nhà hàng, thúc đẩy bán mạnh các mặt hàng thủy hải sản tăng doanh thu cho nhà hàng. Dây chuyền nuôi thủy hải sản gồm hồ kính và thiết bị máy được nêu tại mục a, b Điều 1 của hợp đồng có giá thi công là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%; Công ty H tạm ứng số tiền 20.000.000 đồng; khi Công ty T giao kính và inox tới nhà hàng thì Công ty H ứng tiếp số tiền 115.000.000 đồng; sau khi làm xong Công ty H thanh toán hết số tiền 65.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận, Công ty T giảm cho Công ty H số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng do đổi từ kính cường lực sang kính không cường lực. Trong quá trình thi công, Công ty H đã thanh toán cho Công ty T số tiền 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

Tại biên bản nghiệm thu chất lượng công trình hồ cá tại nhà hàng H ngày 09/01/2018, Công ty T đã hoàn thiện việc xây dựng, lắp đặt hồ kính và thiết bị máy theo hợp đồng đã ký và Công ty H đưa vào sử dụng tốt. Công ty H còn nợ Công ty T số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng.

Công ty T nhiều lần yêu cầu Công ty H trả nợ nhưng ông Tuân là người đại diện hợp pháp của Công ty H yêu cầu Công ty T chuyển toàn bộ hồ cá vào bên trong, ở phía sau nhà hàng thì ông sẽ chịu chi phí di dời hồ cá và trả số tiền còn nợ lại. Tuy nhiên, Ông Tuân không ấn định cụ thể thời gian di dời để trì hoãn việc trả tiền và sau đó ông Tuân đã chuyển nhượng nhà hàng cho người khác.

Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty H trả cho Công ty T số tiền còn nợ là 65.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ông VT là người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án số 23/2019/KDTM-ST ngày 24-5-2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dịch vụ T số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngày 12/6/2019, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H kháng cáo toàn bộ bản án số số 23/2019/KDTM-ST ngày 24-5-2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh với lý do: Trong quá trình nguyên đơn khởi kiện cho đến khi bị đơn nhận được bản án, bị đơn hoàn toàn không biết gì. Số tiền 65 triệu Tòa án tuyên không thuyết phục, vì: Sau khi ký hợp đồng các bên có thay đổi một số hạng mục nên số tiền không còn như hợp đồng đã ký, do vậy bị đơn đã nhiều lần mời nguyên đơn đến để tính toán lại nhưng nguyên đơn không đến; theo như cam kết trong hợp đồng thì nguyên đơn chưa hết thời hạn bảo hành đối với hồ lục giác của công ty bị đơn; hồ lục giác mà nguyên đơn làm đặt tại địa chỉ 229 đường số 3, phường Bình Hưng Hoà B, quận Bình Tân, tòa án phải tiến hành thẩm định để đảm bảo quyền, lợi ích của đương sự.

Ngày 19/6/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TPHCM có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 320/QĐKNPT-VKS-KDTM kháng nghị một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 23/2019/KDTM-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vâp. Nội dung kháng nghị: Việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán (Điều 306 Luật Thương mại) là không phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong bản án, quyết định của Tòa án. Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn thiếu sót trong việc tuyên án đối với quyền kháng cáo của đương sự.

Tại phiên Toà phúc thẩm các đương sự trình bày:

Bị đơn trình bày: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì nguyên đơn đã trình bày không đúng sự thật. Bị đơn không đồng ý trả số tiền 65.000.000 đồng cho nguyên đơn vì nguyên đơn không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng, thay vì bên ngoài hệ thống hồ làm bằng kính cường lực thì lại làm bằng kính thường. Trước khi khai trương nhà hàng bị đơn đã nhiều lần liên hệ nguyên đơn để thay kính cường lực nhưng nguyên đơn không thực hiện. Bị đơn chưa từng ký biên bản nghiệm thu vì công trình không đạt chất lượng theo cam kết trong hợp đồng. Quá trình Tòa án quận Gò Vấp giải quyết vụ án bị đơn không hề biết nên đã không trình bày ý kiến ở cấp sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn trình bày: Bị đơn đưa ra các lý do không hợp lý để không trả tiền cho nguyên đơn. Hai bên đã thỏa thuận giảm 5 triệu đồng vì lúc thi công là thời gian cận tết nên không kịp làm kính cường lực. Đại diện bị đơn là ông Nguyễn Văn Th đã

ký biên bản nghiệm thu chất lượng công trình vào ngày 09/01/2018. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Đơn kháng cáo của đương sự và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TPHCM còn trong thời hạn luật định. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Xét thấy tại biên bản nghiệm thu chất lượng công trình hồ cá, người ký nghiệm thu là ông Nguyễn Văn Th ký đại diện cho bên A (nhà hàng), tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Th vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật. Do hủy án sơ thẩm nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là không cần thiết phải xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

I- Về hình thức: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án sơ thẩm và đơn kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H nộp Tòa án còn trong thời hạn luật định.

II- Về nội dung vụ án:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không hòa giải thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[1] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo điều 1 Hợp đồng kinh tế ngày 04/12/2017 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận: "Toàn bộ kính đáy, kính thành làm bằng kính trắng không cường lực 8 li, riêng mặt trước làm bằng kính cường lực", tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Theo thỏa thuận, Công ty T giảm cho Công ty H số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng do đổi từ kính cường lực sang kính không cường lực. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày giữa các bên không có thỏa thuận như trên, bị đơn đã nhiều lần yêu cầu nguyên đơn khắc phục đổi từ kính thường sang kính cường lực nhưng nguyên đơn không thực hiện. Xét thấy, nguyên đơn trình bày các bên thỏa thuận bằng lời nói, tuy nhiên việc thỏa thuận này không được bị đơn thừa nhận nên lời trình bày của nguyên đơn là không có cơ sở để xem xét.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ là Biên bản nghiệm thu chất lượng công trình hồ cá tại nhà hàng H ngày 09/01/2018 do nguyên đơn cung cấp để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 65 triệu đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày bị đơn chưa ký bất kỳ biên bản nghiệm thu nào. Đối với biên bản nghiệm thu do nguyên đơn cung cấp có ông Nguyễn Văn Th (Đại diện bên A) ký xác nhận: Bị đơn trình bày ông Th là nhân viên của nguyên đơn cử sang để chăm sóc hồ cá, không phải là người có thẩm quyền đại diện cho bị đơn để ký biên bản nghiệm thu chất lượng công trình. Nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh ông Th là người được bị đơn ủy quyền để ký biên bản nghiệm thu, do đó biên bản nghiệm thu này không có giá trị pháp lý.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án cấp sơ thẩm cần phải xác minh, thu thập chứng cứ và triệu tập ông Nguyễn Văn Th để có căn cứ giải quyết chính xác vụ án. Việc tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông Nguyễn Văn Th vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn trình bày đã sang nhượng lại nhà hàng (bao gồm cả hồ kính) cho người khác nên nguyên đơn không thể khắc phục việc thay kính cường lực theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng được. Xét thấy trong vụ án này, nguyên đơn có lỗi vì đã thi công lắp đặt hồ kính không đúng theo hợp đồng mà các bên đã ký kết, về phía bị đơn cũng có phần lỗi khi nhận bàn giao hồ kính không đảm bảo chất lượng theo đúng hợp đồng thỏa thuận nhưng vẫn đưa vào sử dụng, thời hạn nguyên đơn bảo hành cho hồ kính là 05 năm nhưng bị đơn mới sử dụng được 06 tháng thì đã sang nhượng nhà hàng (bao gồm cả hồ kính) cho người khác. Như vậy cả hai bên nguyên đơn và bị đơn đều có lỗi do đó mỗi bên phải chịu trách nhiệm dân sự tương ứng với mức độ lỗi của mình. Mặt khác, nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được phần kính cường lực giá trị là bao nhiêu, nên xét thấy mỗi bên phải chịu một nửa trách nhiệm trong số tiền 65.000.000 đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán. Do đó bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 32.500.000 đồng.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Xem xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án chưa phù hợp với quy định của pháp luật, xét thấy căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong bản án, quyết định của tòa án thì việc tòa án cấp sơ thẩm quyết định tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán (Điều 306 Luật Thương mại) là không đúng, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ để chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đối với phần quyết định tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án để phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tòa án cấp sơ thẩm còn thiếu sót trong việc tuyên án đối với quyền kháng cáo của đương sự. Xét thấy ý kiến kháng nghị này là chính xác, tòa án cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm khi tuyên án để không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm để phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Án phí sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 3.000.000 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 3.000.000 đồng.

Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dịch vụ T số tiền 32.500.000 (ba mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dịch vụ T cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 4H của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dịch vụ T phải chịu án phí sơ thẩm là 3.000.000 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (ba triệu) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0001991 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dịch vụ T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 3.000.000 (ba triệu) đồng.

3. Án phí phúc thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn H không phải chịu tiền án phí phúc thẩm, được nhận lại 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0000909 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Biện Thị Hoa